

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TM94381: THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG (PROFESSIONAL INTERNSHIP IN MANAGEMENT OF
NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 7
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 10 (Lý thuyết 0 – Thực hành 10 - Tự học 30)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 10 tiết
 - + Thực hành/thực tập tại phương: 140
- Giờ tự học: 450 tiết
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Quản lý Tài Nguyên
 - Khoa: Tài Nguyên và Môi trường
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Cơ sở ngành ☐		Chuyên sâu ☒	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn
☐	☐	☐	☐	☒	☐

- Học phần học song hành: không
- Học phần tiên quyết: không
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu, kết quả học tập mong đợi của học phần

*** Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:**

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Kiến thức chung	
Kiến thức chuyên môn	
CĐR3: Phân tích công tác quản lý, sử dụng tài nguyên và môi trường để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	3.1. Phân tích công tác quản lý tài nguyên môi trường để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội. 3.2. Phân tích tình hình sử dụng, bảo vệ tài nguyên môi trường phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
CDR4: Đề xuất giải pháp quản lý, bảo vệ nguồn Tài nguyên thiên nhiên và môi trường đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.	4.1. Đề xuất giải pháp Quản lý nguồn Tài nguyên thiên nhiên đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu. 4.2. Đề xuất giải pháp quản lý, bảo vệ môi trường đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.
Kỹ năng chung	
CDR5. Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong lĩnh vực Quản lý Tài nguyên và môi trường.	5.1. Ứng xử phù hợp với các bên có liên quan trong môi trường làm việc chuyên nghiệp đa văn hóa, đa ngôn ngữ. 5.2. Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và các thiết bị đa phương tiện trong công việc chuyên môn.
Kỹ năng chuyên môn	
CDR6: Sử dụng các nghiệp vụ hành chính để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn thuộc ngành Quản lý tài nguyên và môi trường.	6.1. Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ chuyên môn trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường. 6.2. Sử dụng thành thạo các công cụ quản lý hành chính trong lĩnh vực Quản lý tài nguyên và môi trường.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR7. Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ và tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực Quản lý tài nguyên và môi trường.	7.1. Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, có đạo đức nghề nghiệp, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn lĩnh vực Quản lý tài nguyên và môi trường. 7.2. Đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực Quản lý tài nguyên và môi trường.
CDR8. Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp	8.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn. 8.2. Đề xuất các ý tưởng khởi nghiệp.

* **Mục tiêu:** Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên

- **Về kiến thức:** Học phần giúp sinh viên nắm vững và vận dụng được những kiến thức lý thuyết đã học để giải quyết các vấn đề ở các địa phương, doanh nghiệp liên quan đến công tác quản lý tài nguyên và môi trường trong cơ quan quản lý nhà nước. Vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn để điều tra hiện trạng quản lý và sử dụng tài nguyên (đất, nước).

- **Về kỹ năng:** Giúp sinh viên hình thành được kỹ năng giải quyết công việc trong thực tế, kỹ năng giao tiếp, thiết kế và triển khai nghiên cứu.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Học phần rèn luyện cho sinh viên năng lực làm việc độc lập, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho chỉ báo CDR của CTĐT											
		3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2
TM94381	Thực tập nghề nghiệp ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M

Ký hiệu	KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	Chỉ báo chuẩn đầu ra của CTĐT
Kiến thức		
K1	Phân tích công tác quản lý nhà nước quản lý về tài nguyên và môi trường theo nội dung thực tập.	3.1. Phân tích công tác quản lý tài nguyên môi trường để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.
K2	Phân tích tình hình sử dụng, bảo vệ tài nguyên đất, rừng, nước để phục vụ phát triển kinh tế xã hội	3.2. Phân tích tình hình sử dụng, bảo vệ tài nguyên môi trường phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.
K3	Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài nhiên thiên nhiên và môi trường trên địa bàn nghiên cứu.	4.1. Đề xuất giải pháp Quản lý nguồn Tài nguyên thiên nhiên đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.
K4	Đề xuất giải pháp quản lý bảo vệ môi trường	4.2. Đề xuất giải pháp quản lý, bảo vệ môi trường đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.
Kỹ năng		
K5	Sử dụng các kỹ năng giao tiếp trong hoạt động chuyên môn,	5.1. Ứng xử phù hợp với các bên có liên quan trong môi trường làm việc chuyên nghiệp đa văn hóa, đa ngôn ngữ.
K6	Sử dụng công nghệ thông tin và thiết bị hiện đại phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn thực tập.	5.2. Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và các thiết bị đa phương tiện trong công việc chuyên môn.
K7	Vận dụng sáng tạo kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề tại địa phương theo nội dung thực tập.	6.1. Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ chuyên môn trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên

		và môi trường.
K8	Sử dụng thành thạo các công cụ quản lý hành chính trong quản lý tài nguyên và môi trường	6.2. Sử dụng thành thạo các công cụ quản lý hành chính trong lĩnh vực Quản lý tài nguyên và môi trường.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K9	Làm việc độc lập tại cơ sở thực tập, tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn.	7.1. Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, có đạo đức nghề nghiệp, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn lĩnh vực Quản lý tài nguyên và môi trường.
K10	Đưa ra kết luận chuyên môn liên quan đến nội dung thực tập.	7.2. Đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực Quản lý tài nguyên và môi trường.
K11	Chủ động học tập và nghiên cứu, hoàn thiện kiến thức chuyên môn.	8.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn.
K12	Đề xuất các ý tưởng khởi nghiệp trong công tác quản lý tài nguyên và môi trường.	8.2. Đề xuất các ý tưởng khởi nghiệp.

III. Nội dung tóm tắt của học phần

TM94381: Thực tập nghề nghiệp ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường (Professional internship in management of resources and environment) (10TC: 0-10-30)

Mô tả vắn tắt nội dung: Thực hiện một số nội dung liên quan đến công tác quản lý tài nguyên và môi trường tại các địa phương, doanh nghiệp như: Đánh giá hiện trạng các nguồn tài nguyên (đất, nước, rừng...); Đánh giá thực trạng môi trường và các vấn đề liên quan đến môi trường (thu gom, xử lý rác thải và nước thải; đánh giá chất lượng đất, nước...); Các nghiệp vụ trong quản lý tài nguyên và môi trường (các nghiệp vụ trong công tác quản nhà nước về đất đai, quản lý tài nguyên nước, quản lý môi trường...); Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường...

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông.
- Hướng dẫn thực tập tại cơ sở.
- Giảng dạy dựa trên vấn đề.

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên tự đọc tài liệu do giảng viên giới thiệu/cung cấp,
- Nghe giảng tại cơ sở thực tập,
- Triển khai nội dung thực tập tại cơ sở theo kế hoạch thực tập

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự học tập thực tập đầy đủ tại cơ sở thực tập

- Chuẩn bị cho thực tập: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc tài liệu tham khảo, tham gia tập huấn trước khi đến cơ sở thực tập
- Thực tập: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự tất cả các buổi thực tập tại cơ sở theo quy định.
- Thực hành: Tất cả sinh viên phải hoàn thành các bài tập thực hành tại cơ sở.
- Thi cuối kì: Một bài thi cuối kỳ theo hình thức vấn đáp.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1: Kế hoạch đánh giá và trọng số

Hoạt động đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Tham dự thực tập tại cơ sở	K9,K10,K11,K12	10	Theo kế hoạch
Đánh giá của cơ sở thực tập	K5,K6,K7,K8,K9,K10,K11,K12	20	Theo kế hoạch
Đánh giá thuyết trình	K1, K2,K3,K4, K5,K6,K7,K8	30	Kết thúc đợt thực tập
Đánh giá báo cáo thu hoạch	K1, K2,K3,K4, K5,K6,K7,K8	40	Kết thúc đợt thực tập

Rubric 1. Tham dự thực tập tại cơ sở

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 6,5-8,4 điểm	Trung bình 4-6,4 điểm	Kém 0-3,9 điểm
Tham gia các hoạt động chuyên môn	50	Rất tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn tại cơ sở	Tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn tại cơ sở	Có tham gia các hoạt động chuyên môn tại cơ sở	Ít tham gia các hoạt động chuyên môn tại cơ sở
Chủ động tự học tập và nghiên cứu	50	Rất tích cực tự học tập, nghiên cứu	Tích cực tự học tập, nghiên cứu	Thỉnh thoảng tự học, nghiên cứu	Ít khi tự học, nghiên cứu

Rubric 2. Đánh giá cơ sở thực tập (20%)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 6,5-8,4 điểm	Trung bình 4-6,4 điểm	Kém 0-3,9 điểm
Tinh thần, thái độ kỷ luật	50	Chấp hành tốt nội quy, quy chế	Chấp hành tương đối tốt nội dung, quy chế	Chấp hành nội quy, quy chế	Vi phạm nội quy, quy chế
Khả năng chuyên môn, nghiệp vụ	50	Chủ động, sáng tạo, hướng dẫn người khác thực hiện tốt nghiệp vụ chuyên môn	Chủ động, sáng tạo, thực hiện tốt nghiệp vụ chuyên môn	Thực hiện tốt các nghiệp vụ chuyên môn	Không thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ chuyên môn

Rubric 3. Đánh giá thuyết trình

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 6,5-8,4 điểm	Trung bình 4-6,4 điểm	Kém 0-3,9 điểm
Nội dung	40	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
Trình bày báo cáo	20	Mạch lạc, rõ ràng; Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc	Khá mạch lạc, rõ ràng; Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Tương đối rõ ràng; Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Thiếu rõ ràng; Lập luận không có căn cứ khoa học và logic
Tương tác với người nghe	10	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số các câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số các câu hỏi đặt đúng, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời sai đa số các câu hỏi đặt đúng
Sự phối hợp trong nhóm	20	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm

Rubric 4. Đánh giá báo cáo thu hoạch

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 6,5-8,4 điểm	Trung bình 4-6,4 điểm	Kém 0-3,9 điểm
Đặt vấn đề	10	Phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề
Phương pháp nghiên cứu	20	Trình bày phương pháp rõ ràng, đầy đủ	Trình bày phương pháp đầy đủ	Trình bày phương pháp tương đối đầy	Trình bày thiếu phương pháp chính

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 6,5-8,4 điểm	Trung bình 4-6,4 điểm	Kém 0-3,9 điểm
				đủ	
Kết quả nghiên cứu	50	Trình bày rõ ràng, sản phẩm đầy đủ theo đề cương	Trình bày rõ ràng, sản phẩm khá đầy đủ theo đề cương	Sản phẩm không đầy đủ theo đề cương	Không có sản phẩm thực tập
Kết luận	10	Phù hợp đầy đủ	Khá phù hợp và đầy đủ	Tương đối phù hợp và đầy đủ	Không phù hợp và đầy đủ
Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, format, lỗi chính tả,...)	10	Theo đúng quy định, không có lỗi chính tả	Vài sai sót nhỏ về hình thức	Nhiều sai sót về hình thức	Cầu thả, nhiều lỗi, không đúng quy định

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Tham gia thực tập: Không tham gia thực tập hoặc nghỉ quá thời gian quy định sẽ không được đánh giá hết học phần.
- Yêu cầu về đạo đức: Tôn trọng, hợp tác, giúp đỡ bạn bè, thầy cô, đồng nghiệp.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng: (Liệt kê ít nhất 1 giáo trình)

1. Nguyễn Thu Thùy, Nông Hữu Dương (2022) Giáo trình tài nguyên rừng – NXB Học Viện Nông nghiệp.
2. Ngô Thị Dung, Nguyễn Văn Dung, Vũ Thị Xuân (2021). Giáo trình quản lý nguồn nước- NXB Học Viện Nông Nghiệp.

* Tài liệu tham khảo khác:

Tiếng Việt:

1. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2020). Luật số: 72/2020/QH14. Luật Bảo vệ môi trường, Hà Nội.
2. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2023). Luật số: 28/2023/QH15. Luật tài nguyên nước, Hà Nội.
3. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2017). Luật số: Luật số: 16/2017/QH14. Luật Lâm nghiệp, Hà Nội.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1	Nội dung 1: Chuẩn bị nội dung thực tập	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (10 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: Tập huấn nội dung thực tập nghề nghiệp	K1, K2, K3, K4

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (30 tiết) (Xây dựng đề cương thực tập nghề nghiệp)	K1, K2,K3,K4
1-5	Nội dung 2: Thực hiện các nội dung thực tập nghề nghiệp	
	A/ Các nội dung chính thực tập nghề nghiệp: 140 tiết Thực hiện các nội dung thực tập nghề nghiệp theo đề cương thực tập nghề nghiệp tại địa phương, doanh nghiệp	K1, K2,K3,K4, K5,K6,K7,K8,K9,K10,K11,K12
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (420 tiết) (Tổng hợp tài liệu, xử lý số liệu, viết báo cáo)	K1, K2,K3,K4, K5,K6,K7,K8,K9,K10,K11,K12

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Cơ sở thực tập: Có phòng làm việc cho sinh viên tại cơ sở thực tập, phòng họp, làm việc nhóm
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Phần mềm MSTEAM giảng dạy trực tuyến, máy tính, máy chiếu, phấn, bảng, bút chì, loa, micro
- E - learning

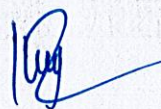
Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 2024

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Ngô Thanh Sơn



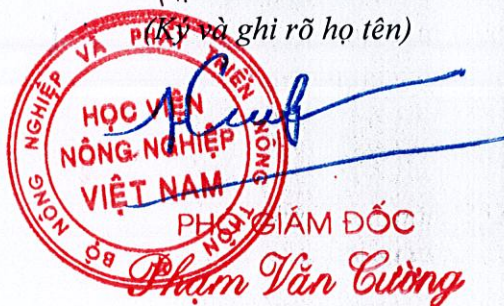
TS. Nguyễn Thu Thùy

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

KT. GIÁM ĐỐC
(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Quốc Vinh



PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

1. Họ và tên: Ngô Thanh Sơn	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Tài Nguyên Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0985461606
Email: ntsonhua@gmail.com	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Qua email, điện thoại, hoặc liên hệ gặp trực tiếp tại Bộ môn Quản lý Tài Nguyên, Khoa Tài Nguyên và Môi trường	

Giảng viên giảng dạy học phần

2. Họ và tên: Nông Hữu Dương	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Tài Nguyên Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 01629.182.354
Email: nhduong@vnua.edu.vn	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Qua email, điện thoại, hoặc liên hệ gặp trực tiếp tại Bộ môn Quản lý Tài Nguyên, Khoa Tài Nguyên và Môi trường	

Giảng viên giảng dạy học phần

3. Họ và tên: Nguyễn Thu Thùy	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0985461606
Email: nguyenthuy@vnua.edu.vn	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Qua email, điện thoại, hoặc liên hệ gặp trực tiếp tại Bộ môn Quản lý Tài Nguyên, Khoa Tài Nguyên và Môi trường	

Giảng viên giảng dạy học phần

4. Họ và tên: Ngô Thị Dung	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Qua email, điện thoại, hoặc liên hệ gặp trực tiếp tại Bộ môn Quản lý Tài Nguyên, Khoa Tài Nguyên và Môi trường	

Giảng viên giảng dạy học phần

5. Họ và tên: Nguyễn Thị Giang	Học hàm, học vị: Ths
Địa chỉ cơ quan: Khoa Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Qua email, điện thoại, hoặc liên hệ gặp trực tiếp tại Bộ môn Quản lý Tài Nguyên, Khoa Tài Nguyên và Môi trường	

Giảng viên giảng dạy học phần

6. Họ và tên: Vũ Thị Xuân	Học hàm, học vị: Ths
----------------------------------	----------------------

Địa chỉ cơ quan: Khoa Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Qua email, điện thoại, hoặc liên hệ gặp trực tiếp tại Bộ môn Quản lý Tài Nguyên, Khoa Tài Nguyên và Môi trường	

CÁC LẦN CẢI TIẾN

(Đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện)

Lần 1: 7/2024:

Chỉnh sửa CDR của học phần, mức đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT.